

MỐI QUAN HỆ GIỮA TRÍ TUỆ CẢM XÚC VÀ HÀNH VI NGUY CƠ Ở THANH THIẾU NIÊN

TRẦN HÀ THU*

Ngày nhận bài: 03/05/2017; ngày sửa chữa: 22/05/2017; ngày duyệt đăng: 29/05/2017.

Abstract: Emotional intelligence is an important ability to adolescents, which has a significant contribution to their successes in academic outcomes and life. However, this age is latent of many risky behaviors that cause seriously consequences to harm themselves, others and society. Many results of studies have confirmed that adolescents with higher levels of emotional intelligence are less likely to appear risky behaviors such as aggression, conflict, violence, substance use, unsafe driving, unhealthy sex, etc. Emotional intelligence is considered a "shield" to prevent dangerous behavior in adolescents.

Keywords: Emotional intelligence, risk behavior, adolescent.

1. Đặt vấn đề

Những nghiên cứu chuyên sâu về trí tuệ cảm xúc (TTCX) mới bắt đầu khoảng từ năm 1990, nhưng cho đến nay, sau hơn hai thập kỉ, vấn đề này đã thu hút sự quan tâm của rất nhiều người, cả trong giới học thuật và công chúng. Nhiều nhà khoa học đã công nhận TTCX là một dạng năng lực của con người hay một thành tố quan trọng trong cấu trúc nhân cách. Bên cạnh đó, TTCX có mối quan hệ chặt chẽ với thành công của mỗi cá nhân trong cuộc sống. Đối với lứa tuổi thanh thiếu niên, TTCX có ý nghĩa quan trọng trong quá trình phát triển. Yếu tố này nổi lên như một thành tố giảm thiểu hành vi nguy cơ ở thanh thiếu niên. Luận điểm này đã được minh chứng qua nhiều công trình nghiên cứu trên thế giới. Bài viết tổng quan một số nghiên cứu trên thế giới về mối quan hệ giữa TTCX và hành vi nguy cơ ở lứa tuổi thanh thiếu niên trong những năm gần đây. Phương pháp nghiên cứu chính được sử dụng trong bài viết là phân tích tài liệu.

2. Một số khái niệm cơ bản

2.1. Khái niệm "Trí tuệ cảm xúc"

Thuật ngữ "TTCX" xuất hiện lần đầu tiên trong luận án tiến sĩ "Phát triển TTCX" của tác giả Wayne Payne vào năm 1985. Tuy nhiên, Mayer và Salovey là những người đầu tiên đã có những nghiên cứu bài bản về vấn đề này và mang khái niệm TTCX đến gần hơn trong giới học thuật. Năm 1990, hai tác giả đã đưa ra định nghĩa đầu tiên về TTCX: "TTCX là năng lực nhận biết và bày tỏ cảm xúc, hóa cảm xúc vào suy nghĩ để hiểu, suy luận về cảm xúc và điều khiển, kiểm soát cảm xúc của mình và người khác" [1]. Vài năm sau, các tác giả đã phát triển lí thuyết của mình và đưa ra một định nghĩa mới về TTCX: "TTCX là năng lực nhận biết ý nghĩa của cảm xúc và quan hệ của chúng, trên cơ sở đó tìm nguyên nhân và cách giải quyết vấn đề. TTCX liên quan đến

năng lực nhận thức các cảm xúc, đánh giá các cảm nhận liên quan đến cảm xúc, hiểu rõ thông tin của các cảm xúc đó và kiểm soát, điều khiển chúng" [1].

Vào năm 1995, Daniel Goleman - người biên tập khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu về não và hành vi của tờ New York Times đã gây chú ý khi xuất bản cuốn sách "Trí tuệ cảm xúc" (Emotion Intelligence). Cuốn sách này trở thành cuốn sách bán chạy nhất thị trường Mỹ lúc đó và đã được dịch ra nhiều thứ tiếng, trong đó có tiếng Việt. Kể từ khi cuốn sách ra đời, công chúng mới thực sự chú ý đến chủ đề TTCX. Theo Goleman, TTCX được thể hiện ở 5 mặt: 1) Khả năng nhận diện và biểu đạt cảm xúc của bản thân; 2) Khả năng nhận diện và đánh giá cảm xúc của người khác; 3) Điều chỉnh cảm xúc của bản thân và người khác; 4) Tự thúc đẩy bản thân; 5) Làm chủ các mối quan hệ liên cá nhân [2].

Một quan điểm tiêu biểu khác về TTCX của tác giả Reuven Bar-On. Ông cho rằng: "TTCX là một tổ hợp các năng lực phi nhận thức và những kĩ năng chi phối năng lực của cá nhân nhằm đương đầu có hiệu quả với những đòi hỏi và sức ép từ môi trường" [3]. Tác giả đưa ra mô hình TTCX gồm 4 thành phần: 1) Năng lực nhận biết, hiểu và biết cách bộc lộ mình; 2) Năng lực nhận biết, hiểu và cảm thông với người khác; 3) Năng lực ứng phó với những cảm xúc mạnh và kiểm soát, làm chủ các cảm xúc của mình; 4) Năng lực thích ứng đối với những thay đổi và giải quyết vấn đề của cá nhân hay xã hội.

Như vậy, dù được định nghĩa khác nhau nhưng về cơ bản, các tác giả nhất trí xem TTCX liên quan đến năng lực nhận biết cảm xúc của mình, của người khác và điều khiển, kiểm soát cảm xúc của bản thân. Hiện nay, mặc dù khái

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội

niệm TTCX đã trở nên phổ biến trong giới học thuật và công chúng nhưng vẫn đang được các nhà khoa học tiếp tục nghiên cứu theo các hướng như: xây dựng và chuẩn hóa thang đo đánh giá; mối quan hệ, ảnh hưởng của nó với những yếu tố khác cũng như phương pháp giáo dục, can thiệp nhằm nâng cao năng lực TTCX cho con người.

2.2. Khái niệm “Hành vi nguy cơ”

Nguy cơ được hiểu là hành động đe dọa cho những điều có giá trị. Đối tượng bị đe dọa có thể là đối tượng vật lí, một thực thể tâm lí - xã hội hoặc giá trị về văn hóa. Irwin (1993) định nghĩa hành vi nguy cơ là hành vi tiềm tàng hậu quả tiêu cực đối với sức khỏe [4]. Theo Từ điển Biology: *“Hành vi nguy cơ là những hành vi có sự rủi ro cao, có thể gây hại hoặc làm tổn thương bản thân hay người khác”*. Hay theo ‘Risky Behaviour Training Programme’ của tổ chức chính phủ Richmon, England: *“Hành vi nguy cơ là hành vi có khả năng gây hại cho con người hoặc những tác hại đó có thể ngăn cản cá nhân đạt được tiềm năng của họ”* (www.richmond.gov.uk).

Thanh thiếu niên là lứa tuổi có nhiều chuyển biến về thể chất và tâm lí, kéo dài từ giai đoạn dậy thì đến đầu tuổi trưởng thành (khoảng từ 10,11 tuổi đến 21, 22 tuổi). Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra đây là lứa tuổi tiềm ẩn đa dạng nhiều hành vi nguy cơ khác nhau. Horizon Scanning Programme Team, England (2014) đã đưa ra danh sách những hành vi nguy cơ thường gặp ở độ tuổi này gồm: 1) Cảm nhận về hạnh phúc; 2) Hút thuốc lá; 3) Sử dụng rượu; 4) Sử dụng ma túy; 5) Mang thai ngoài ý muốn và quan hệ tình dục sớm; 6) Phạm pháp; 7) Tự tử; 8) Bạo lực và sự suy thoái về đạo đức; 9) Béo phì, vấn đề về dinh dưỡng và thể thao. Tổng hợp từ báo cáo 1994/95 National Population Health Survey (NPHS), Nancy L. Galambos and Lauree C. Tilton-Weave (1998) cho biết bốn hành vi nguy cơ xảy ra nhiều nhất ở lứa tuổi thanh thiếu niên gồm: hút thuốc lá, say rượu, quan hệ với nhiều bạn tình, không sử dụng bao cao su khi quan hệ tình dục.

3. Mối quan hệ giữa TTCX và hành vi nguy cơ

Daniel Goleman (1995) đã khẳng định rằng giáo dục TTCX là một thành phần quan trọng trong việc cải thiện cuộc sống. Việc phát triển năng lực cảm xúc làm giảm thiểu các hành vi nguy hiểm (chẳng hạn như sử dụng ma túy, bỏ học, và bạo lực) trong khi gia tăng những hành vi được xã hội ủng hộ (như rèn luyện thể chất, mối quan hệ tích cực và khả năng lãnh đạo) [2]. Thanh thiếu niên là lứa tuổi phải đối mặt với khá nhiều nguy cơ mà hệ quả của những hành vi đó ảnh hưởng trực tiếp đến thể chất và tinh thần, đến hoạt động học tập và cuộc sống của các em. Các nhà nghiên cứu đã chứng minh mối quan hệ giữa TTCX và hành vi nguy cơ và nhận thấy năng lực TTCX

chính là “tấm lá chắn” bảo vệ các em khỏi những nguy hiểm đó.

Quản lí cơn giận dữ là kĩ năng quan trọng để giảm thiểu khả năng xảy ra bắt nạt và bạo lực học đường. Theo Smith (2001), điều này có điểm tương thích với học sinh trong trường học. Học sinh nào có khả năng và kĩ năng tự thức đẩy bản thân thường có những trải nghiệm tích cực trong trường học, các em ít vướng vào các hành động gây rắc rối hoặc chống đối xã hội và thường đạt thành tích cao trong học tập hơn những bạn bè thiếu kĩ năng và động cơ [5].

Những lợi ích xã hội của TTCX bắt đầu ở độ tuổi rất nhỏ. Một nhóm trẻ mẫu giáo đã được quan sát, theo dõi cách chúng cư xử và cách chúng được bạn bè cùng lớp chấp nhận. Sau đó, các tác giả đã thử nghiệm để xem trẻ học hỏi được bao nhiêu kiến thức về cảm xúc. Những trẻ học hỏi được về TTCX nhiều hơn thường ít đi xâm kích và được bạn bè chấp nhận nhiều hơn [6]. Xu hướng này tiếp tục diễn ra khi trẻ ở bậc tiểu học. Trong một nghiên cứu ở 160 học sinh tiểu học (trung bình 10,8 tuổi), những trẻ có điểm số TTCX cao hơn được các giáo viên và bạn bè công nhận ở khả năng hợp tác và lãnh đạo, cũng như không gây rối và xâm kích với người khác [5].

Theo Salovey và Mayer (2002) việc biết đối phó, giải quyết và kiểm soát các mối quan hệ giữ vai trò quan trọng trong việc quản lí các mối quan hệ xã hội. Một trẻ vị thành niên có năng lực TTCX sẽ có đủ khả năng tự kiểm soát bản thân, kiên định, có động cơ và đam mê với cuộc đời và thích ứng với môi trường học đường. Ngược lại, nếu cá nhân thiếu hụt TTCX thì sẽ không đủ khả năng nhận diện hoặc điều chỉnh cảm xúc của bản thân và người khác, khó hoàn thiện được các tiềm năng bản thân cũng như có những ứng xử không được mọi người chấp nhận, ủng hộ. Petrides, Frederickson, và Furnham (2004) gợi ý rằng các khía cạnh cụ thể của TTCX đặc biệt quan trọng đối với học sinh có nguy cơ. Cụ thể, nghiên cứu của họ cho thấy những học sinh gặp khó khăn trong học tập phải đối mặt với áp lực lớn hơn so với bạn bè khác. TTCX cao có thể hỗ trợ việc ứng phó với hoàn cảnh và do đó làm giảm những tác động căng thẳng liên quan kết quả học tập không mong muốn [5].

Parker và cộng sự (2006) đã đối chứng 2 nhóm mẫu gồm: 213 sinh viên đã bỏ học tại trường đại học trước khi bắt đầu năm học thứ hai và 213 sinh viên vẫn tiếp tục chương trình học tập của mình. Kết quả cho thấy, những sinh viên có TTCX cao hơn thường ít bỏ học hơn bạn của họ. Những sinh viên này cũng cho thấy có khả năng nội tâm, tương tác với người khác, khả năng thích ứng và quản lí căng thẳng tốt hơn so với những sinh viên đã nghỉ học. Rõ ràng, TTCX là một chỉ số quan trọng của sinh viên ở trong trường học và có mối quan hệ với nguy cơ bỏ học giữa chúng của sinh viên [7].

Ở bậc trung học và đại học, những thách thức trở nên nghiêm trọng hơn. Các em có hành vi thử nghiệm những thứ nguy hiểm như rượu bia, thuốc lá hay ma túy. Dennis Trinidad và Anderson Johnson đánh giá mối quan hệ giữa TTCX và việc sử dụng rượu và thuốc lá của 205 học sinh trung học ở miền nam California. Kết quả cho thấy, các thiếu niên có TTCX cao hơn ít có khả năng sử dụng rượu và thuốc lá [8]. Tương tự, trong một nghiên cứu ở 3.494 thiếu niên từ lớp 8 đến lớp 10 ở Bồ Đào Nha, các tác giả nhận thấy năng lực về cảm xúc có mối quan hệ với hành vi nguy cơ hút thuốc lá, say rượu và sử dụng ma túy bất hợp pháp của các em. Những em không có các biểu hiện hành vi nguy hiểm trên có năng lực TTCX rất tốt như: khả năng thấu cảm, giải quyết vấn đề, năng lực tự đánh giá, hợp tác và giao tiếp với người khác, biết xác định mục tiêu và có khát vọng. Ngược lại, những em càng có tần suất diễn ra những hành vi nêu trên nhiều thì năng lực cảm xúc càng thấp [1]. Thêm một nghiên cứu ở sinh viên đại học để củng cố các dữ liệu trình bày ở trên. Marc Brackett và nhóm nghiên cứu (2004) đã tìm thấy mối tương quan giữa TTCX thấp và các hành vi tiêu cực ở sinh viên như sử dụng ma túy, rượu, hành vi bạo lực, phá hoại, đặc biệt là ở nam giới [7].

Một nguy cơ khác được cảnh báo rất nhiều ở lứa tuổi thanh thiếu niên đó là vấn đề tình dục. Trong một nghiên cứu ở 253 nữ thiếu niên từ 13-17 tuổi, một phép kiểm định tương quan đã cho thấy những em có năng lực TTCX, nhất là năng lực nội cá nhân (nhận biết và biểu đạt cảm xúc của bản thân) càng cao thì càng ít có quan hệ tình dục với nhiều người. Những em có năng lực liên cá nhân cao (nhận biết và thấu cảm với cảm xúc của người khác) thì có xu hướng trao đổi, tuyên truyền với đối tác của mình về những nguy cơ của vấn đề tình dục nhiều hơn. Những em có năng lực kiểm soát cảm xúc tốt thực hiện việc sử dụng bao cao su khi quan hệ tình dục một cách phù hợp hơn. Các tác giả cho rằng, giáo dục năng lực cảm xúc và xã hội cho trẻ em gái chính là cách để nhằm giảm thiểu việc mang thai sớm và nguy cơ lây nhiễm các bệnh qua đường tình dục [9].

Là một trong những đất nước có số lượng trẻ em và thanh thiếu niên nhiễm HIV cao trên thế giới, Jamaica rất quan tâm đến các nguy cơ liên quan đến vấn đề tình dục ở lứa tuổi này. Một nghiên cứu trên 500 thanh thiếu niên từ 13-18 tuổi tại 09 trường trung học trong cả nước của S.Longman-Mills và K.Carpenter (2013) đã chứng minh được mối tương quan nghịch giữa TTCX của các em (đặc biệt là kĩ năng tương tác với người khác) với hành vi nguy cơ liên quan đến tình dục ở thanh thiếu niên Jamaica. Đúng như giả thuyết các tác giả đưa ra, những trẻ em càng có kĩ năng tương tác với người khác tốt thì càng ít tham gia vào các hành vi tình dục nguy hiểm (có quan hệ tình dục với nhiều người, bị nhiễm các bệnh

lây nhiễm qua đường tình dục, mang thai hoặc làm người khác mang thai ngoài ý muốn, sử dụng chất kích thích trước khi quan hệ tình dục, không sử dụng bao cao su khi quan hệ tình dục). Do đó, theo nhóm tác giả, các can thiệp làm giảm thiểu hành vi tình dục gây nguy hiểm cho thanh thiếu niên có thể hiệu quả hơn khi kết hợp nâng cao kĩ năng giao tiếp với người khác cho các em [9].

Lí giải về mối quan hệ này, các tác giả nhận định thanh thiếu niên có năng lực TTCX có sự thấu hiểu sâu sắc hơn về những cảm xúc, những ham muốn của bản thân để từ đó đưa ra quyết định tiến hành quan hệ tình dục với người khác hay không. Hessler & Katz (2010) nhận định những thanh niên có khả năng kiểm soát nỗi buồn hay sự tức giận thường có xu hướng ít bạn tình hơn những nhóm có khả năng quản lí cảm xúc kém. Cooper, Shapiro, & Powers (1998) cho biết những thanh thiếu niên dễ vướng vào những hành vi nguy cơ, trong đó có quan hệ tình dục không lành mạnh thường là những cá nhân luôn bị cảm xúc lấn át, đặc biệt là những người có khả năng tương tác kém. Khi cá nhân có khả năng tương tác tốt với người khác, họ sẽ có năng lực thiết lập và duy trì sự thỏa mãn lẫn nhau trong các mối quan hệ. Các em dễ dàng nhận diện cảm xúc của người khác và đồng cảm với họ, do đó dễ dàng trao đổi với họ mọi vấn đề, kể cả những điều nhạy cảm trong quan hệ tình dục. Ngược lại, khi kĩ năng này kém các em khó lòng nhận ra cảm xúc của người khác và không biết đáp ứng mong muốn của họ. Chính vì vậy, những cá nhân có khả năng quản lí căng thẳng tốt luôn có những hành vi quan hệ tình dục lành mạnh. Họ có năng lực quản lí căng thẳng, thể hiện trong kĩ năng kiểm soát sự tức giận, bốc đồng và chịu đựng được những tình huống gây căng thẳng [3]. Nếu thanh thiếu niên thiếu khả năng quản lí căng thẳng thì rất khó chống lại sự thúc đẩy của hành vi quan hệ tình dục không an toàn (không sử dụng bao cao su, quan hệ với đối tượng khác nhau...) [5].

Một nguy cơ khác có thể xảy ra ở lứa tuổi thanh thiếu niên được các tác giả đề cập đến đó là rối loạn hành vi ăn uống. Edith Filaire, Patrick Treuvelot, và Hechmi Toumi (2012) đã tìm hiểu mối liên hệ giữa rối loạn hành vi ăn uống và những tham số về tâm lí ở những sinh viên nam ngành Giáo dục thể chất và thấy rằng những sinh viên bị rối loạn hành vi ăn uống có mức độ TTCX thấp hơn so với nhóm không có rối loạn hành vi ăn uống (nhóm đối chứng). Ngoài ra còn có sự tương quan nghịch có ý nghĩa giữa mức độ rối loạn hành vi ăn uống và điểm TTCX. Kết quả này hoàn toàn phù hợp với những nghiên cứu trước đó về rối loạn hành vi ăn uống của Markey & Vander Wals (2007) và Zysberg & Rubanov (2010). Tác giả chứng minh thấy chỉ số TTCX tỉ lệ nghịch với những rối loạn trong vấn đề ăn uống. Chỉ số TTCX thấp có tương quan đáng kể với những bệnh lí về ăn

uống, trong đó cảm xúc tiêu cực trong hành vi ăn uống được xem như một cách đối phó với căng thẳng và phong cách ứng phó này là dấu hiệu của một tâm trí không khỏe mạnh. Những phát hiện này làm nổi bật tiềm năng nghiên cứu về vai trò của TTCX trong việc trị liệu các rối loạn liên quan đến hành vi ăn uống [6].

Rõ ràng, mối tương quan nghịch giữa TTCX và hành vi nguy cơ đã được nhiều nghiên cứu khẳng định. Những thanh thiếu niên có năng lực TTCX càng cao thì càng ít các biểu hiện hành vi nguy hiểm. Ngược lại, những em có năng lực TTCX càng thấp thì càng xuất hiện nhiều biểu hiện hành vi nguy cơ. Điều này cũng rất phù hợp bởi lẽ cá nhân thường dễ dàng tham gia thực hiện các hành vi nguy hiểm khi họ rơi vào tâm trạng không tốt hay khi những trạng thái cảm xúc tiêu cực không được điều chỉnh phù hợp [3]. Một loạt các hành vi nguy cơ tiêu cực như sử dụng chất kích thích, quan hệ tình dục không an toàn, phạm pháp, và bạo lực... xảy ra ở thanh thiếu niên thường là hệ quả của tâm trạng đau khổ. Tuy nhiên, những thanh thiếu niên có TTCX cao thường có khả năng tổ chức và phân tích, lập luận rõ ràng trong các tình huống khó khăn, do đó giảm thiểu khả năng tham gia vào những nguy cơ rủi ro [1]. Họ cũng là những người luôn hiểu biết về cảm xúc của bản thân, có thể tự định hướng trong suy nghĩ và hành động [3]. Họ có năng lực quản lý và kiểm soát căng thẳng, khả năng thích nghi và ứng phó với những tình huống khó khăn, từ đó luôn cân bằng được cảm xúc, giữ vững được tâm trạng tích cực trong mọi hoàn cảnh. Năng lực TTCX như một "tấm lá chắn" ngăn chặn họ rơi vào những hành vi nguy cơ có thể gây tổn hại đến bản thân và người khác.

Nhìn chung, mối quan hệ giữa TTCX và hành vi nguy cơ ở thanh thiếu niên là không thể phủ nhận. Thông qua mối quan hệ này, ý nghĩa quan trọng của năng lực TTCX trong cuộc sống của thanh thiếu niên một lần nữa được khẳng định. Giáo dục TTCX cho các em là việc làm rất cần thiết trong gia đình và trường học nhằm tạo điều kiện thuận lợi giúp các em tránh được những hành vi rủi ro không mong muốn. Tác giả Vygotsky (1987) tin rằng tuổi vị thành niên nắm giữ nhiệm vụ học hỏi đầy thách thức nhằm quản lý ý chí của bản thân, học hỏi các kỹ năng ra quyết định và hành xử một cách nhất quán để hoàn thành các nhiệm vụ. Ông khẳng định giai đoạn vị thành niên là cơ hội quý giá để học hỏi về năng lực TTCX nhằm chuẩn bị cho chúng một đời sống trưởng thành phong phú hơn.

Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu ở trên là theo "lát cắt ngang". Chúng ta cần những nghiên cứu theo chiều dọc trong tương lai để khẳng định chắc chắn hơn về mối quan hệ này. Các khảo sát về TTCX và hành vi

nguy cơ đa phần là những bản tự báo cáo của cá nhân. Do đó, sự xác thực thông tin cũng rất cần được xem xét. Chúng ta cần thêm những đánh giá khách quan từ cha mẹ, thầy cô và bạn bè của các em. Hơn nữa, khi xem xét mối quan hệ giữa TTCX và hành vi nguy cơ cần quan tâm đến những yếu tố trung gian có thể là nhân tố tác động làm thay đổi mối quan hệ như: đặc điểm khí chất của thanh thiếu niên, mối quan hệ giữa cha mẹ - con cái, yếu tố văn hóa và tín ngưỡng... Mặc dù vậy, phát hiện của các nghiên cứu đã đóng góp không nhỏ vào việc nâng cao nhận thức của mọi người về vai trò của TTCX cũng như góp phần xây dựng các chương trình hỗ trợ thanh thiếu niên trong cách phòng tránh và ứng phó với hành vi rủi ro. Ở Việt Nam, những nghiên cứu về mối quan hệ này vẫn còn thiếu vắng và cần có những nghiên cứu bài bản trong tương lai nhằm giúp thanh thiếu niên Việt Nam có đời sống tích cực, lành mạnh và hạnh phúc. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Mayer, J.D. - Caruso, D.R. - Salovey, P (1999). What is Emotion Intelligence. In Salovey, P, Sluyter, D. *Emotional development and emotional intelligence: Educational implications*, pp.3-31, New York: Basis Books.
- [2] Goleman, D. (1995). *Emotional intelligence*. New York: Bantam Books.
- [3] Bar-On - Reuven. - Parker - James D.A. (2000). *The handbook of emotional intelligence: Theory, development, assessment, and application at home, school, and in the workplace*. San Francisco, CA, US: Jossey-Bass.
- [4] Irwin, C. E., Jr. (1993). *Adolescence and risk taking: How are they related?* In N. J. Bell & R. W. Bell (Eds.), *Adolescent risk taking* (pp. 7-28). Newbury Park, CA: Sage Publications.
- [5] Smith, D.C (2001). *Positive prevention strategies for school violence*. Educational Perspectives, p.10-14.
- [6] Arsenio, W.F. - Cooperman, S. - Lover, A. (2000). *Affective predictors of preschoolers' aggression and acceptance: Direct and indirect effects*. *Developmental Psychology*, 36 (4), 438-448.
- [7] Petrides, K.V. - Sangareau, Y. - Furnham, A., - Frederickson, N. (2006). *Trait emotional intelligence and children's peer relations at school*. *Social Development*, 15 (3), 537-547.
- [8] Vygotsky, L.S. (1987). *The collected works of L.S. Vygotsky: vol 1: Problems of general psychology, including the volume Thinking and Speech*, New York: Plenum Press.
- [9] Edith Filaire - Patrick Treuvelot - Hechmi Toumi (2012). Relationship Between Eating-Behavior Disorders and Psychological Parameters in Male First-Year Physical Education Students. *International Journal of Sport Nutrition and Exercise Metabolism*, 22, 383-391.